TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC MÊ** TỈNH HÀ GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 21/2019/QĐST-HNGĐ	*Bắc Mê, ngày 08 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 14/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H; Sinh năm 1988.

Nơi công tác: Trường tiểu học xã LN, huyện BM, tỉnh HG.

Nơi cư trú: Thôn NP, xã LN, huyện BM, tỉnh HG.

Nghề nghiệp: Cán bộ.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Kiều H; Sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Thôn NP, xã LN, huyện BM, tỉnh HG.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Kiều H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau

2.1. Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Kiều H thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Kiều H thỏa thuận.

Giao cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Bình M, sinh ngày 13/10/2011. Anh Nguyễn Kiều H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Kiều H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng tự thỏa thuận: Không yêu cầu giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Trần Thị H tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 150.000đ được khấu trừ vào số tiền 300.000đ chị Trần Thị H đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Mê theo biên lai số 07085 ngày 23/4/2019, chị Trần Thị H được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Nguyễn Kiều H không phải chịu tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện;
- UBND xã BD, huyện ĐH, tỉnh PhTh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Chi cụcTHADS (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Văn Công